

Số: 45/2024/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ (sau đây viết tắt là chứng chỉ đăng kiểm viên).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ (sau đây viết tắt là đăng kiểm viên) là người được cấp chứng chỉ đăng kiểm viên để thực hiện công việc chuyên môn kiểm định, chứng nhận xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới;

2. Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên là việc trang bị kiến thức lý thuyết, kỹ năng cho học viên để thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

3. Thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên là quá trình học viên áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được trang bị sau khi tập huấn nghiệp vụ vào công việc chuyên môn tại cơ sở đăng kiểm dưới sự hướng dẫn, giám sát của đăng kiểm viên;

4. Đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên là việc kiểm tra kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ đăng kiểm viên.

Điều 4. Công việc chuyên môn của đăng kiểm viên

Công việc chuyên môn của đăng kiểm viên bao gồm: công việc chuyên môn kiểm định và công việc chuyên môn chứng nhận.

1. Công việc chuyên môn kiểm định:

a) Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới (sau đây viết tắt là kiểm định xe cơ giới);

b) Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng (sau đây viết tắt là kiểm định xe máy chuyên dùng);

c) Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

2. Công việc chuyên môn chứng nhận:

a) Kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới (sau đây viết tắt là kiểm tra, chứng nhận chất lượng);

b) Kiểm tra, đánh giá: việc bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới tại cơ sở sản xuất, lắp ráp; cơ sở thử nghiệm, chứng nhận; cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới (sau đây viết tắt là đánh giá việc đảm bảo chất lượng);

c) Thử nghiệm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

d) Thử nghiệm phụ tùng xe cơ giới;

đ) Thử nghiệm khí thải xe cơ giới;

e) Thử nghiệm tiêu thụ năng lượng xe cơ giới.

Chương II

CẤP MỚI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Mục 1

TẬP HUẤN, THỰC TẬP NGHIỆP VỤ VÀ CẤP MỚI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI, KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

Điều 5. Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên

1. Nội dung tập huấn nghiệp vụ đối với đăng kiểm viên hạng III thực hiện công việc chuyên môn kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:

a) Trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; vi phạm, xử lý vi phạm trong hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; quy định về an toàn lao động; quy định về đo lường; quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp;

b) Các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ, phần mềm liên quan đến công việc chuyên môn kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

c) Cấu tạo, nguyên lý hoạt động, bảo dưỡng kỹ thuật thiết bị kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

d) Phương pháp kiểm tra trong kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

2. Nội dung tập huấn nghiệp vụ đối với đăng kiểm viên hạng II thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới:

a) Lịch sử hình thành, xây dựng và phát triển của hệ thống đăng kiểm; trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiểm định; vi phạm, xử lý vi phạm trong hoạt động kiểm định; quy định về an toàn lao động; quy định về đo lường; quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp;

b) Các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới;

c) Phương pháp kiểm tra trong hoạt động kiểm định xe cơ giới;

d) Sử dụng chương trình phần mềm nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kiểm định xe cơ giới;

đ) Cấu tạo, nguyên lý hoạt động, bảo dưỡng kỹ thuật thiết bị kiểm định xe cơ giới;

e) Kiến thức về công nghệ được trang bị trên xe cơ giới;

g) Khuyến nghị của Tổ chức kiểm định ô tô quốc tế (CITA) trong hoạt động kiểm định;

h) Trình tự, phương pháp tính toán, đánh giá hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo; sử dụng chương trình phần mềm nghiệp vụ liên quan đến chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.

3. Nội dung tập huấn nghiệp vụ đối với đăng kiểm viên hạng I thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới:

a) Nghiệp vụ: phân tích kết cấu, chẩn đoán trạng thái kỹ thuật, hư hỏng và nguyên nhân hư hỏng của các chi tiết, hệ thống, tổng thành xe cơ giới và biện pháp khắc phục;

b) Công nghệ mới áp dụng trong việc kiểm tra, đánh giá xe cơ giới;

c) Kỹ năng quản lý, tổ chức hoạt động kiểm định xe cơ giới tại cơ sở đăng kiểm;

d) Phân tích, đánh giá, chẩn đoán tình trạng hoạt động của phương tiện đo (thiết bị kiểm tra).

4. Học viên phải làm bài kiểm tra sau khi kết thúc tập huấn nghiệp vụ nếu kết quả đạt từ 70% tổng số điểm trở lên thì đạt yêu cầu; nếu kết quả dưới 70% tổng số điểm thì học viên chỉ được kiểm tra lại 01 lần. Trường hợp học viên kiểm tra lại vẫn không đạt thì phải tập huấn, kiểm tra theo quy định tại Điều này nếu có nhu cầu.

Điều 6. Thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên

1. Học viên đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên hạng III và hạng I không phải thực tập nghiệp vụ theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

2. Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày có kết quả đạt yêu cầu về tập huấn nghiệp vụ, học viên đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên hạng II phải tiến hành thực tập tại cơ sở đăng kiểm. Quá thời gian nêu trên, nếu học viên không thực tập nghiệp vụ thì phải tập huấn lại nghiệp vụ. Học viên được hướng dẫn thực tập bởi đăng kiểm viên hạng I hoặc đăng kiểm viên hạng II có kinh nghiệm 24 tháng trở lên và phải lập báo cáo kết quả thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thời gian và khối lượng thực tập:

a) Thời gian 03 tháng đối với học viên đã có chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện một hoặc các công việc chuyên môn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này hoặc có thời gian làm việc tại các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, sản xuất, lắp ráp ô tô đáp ứng điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô của Chính phủ trên 18 tháng (thời gian căn cứ vào ngày cấp chứng chỉ đăng kiểm viên lần đầu hoặc được tính cộng dồn căn cứ vào hợp đồng lao động, hồ sơ bảo hiểm xã hội): học viên phải thực hiện kiểm tra, đánh giá tối thiểu 100 xe/mỗi công đoạn của nhiều loại xe khác nhau (có thể thực tập nhiều công đoạn trên một xe); lập hồ sơ phương tiện phải được thực hiện tối thiểu đối với 15 xe; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo tối thiểu 10 xe;

b) Thời gian 06 tháng đối với học viên đã có chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện một hoặc các công việc chuyên môn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này hoặc có thời gian làm việc tại các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, sản xuất, lắp ráp ô tô đáp ứng điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô của Chính phủ từ 12 tháng đến 18 tháng (thời gian căn cứ vào ngày cấp chứng chỉ đăng kiểm viên lần đầu hoặc được tính cộng dồn căn cứ vào hợp đồng lao động, hồ sơ bảo hiểm xã hội): học viên phải thực hiện kiểm tra, đánh giá tối thiểu 200 xe/mỗi công đoạn của nhiều loại xe khác nhau (có thể thực tập nhiều công đoạn trên một xe); lập hồ sơ phương tiện phải được thực hiện tối thiểu đối với 30 xe; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo tối thiểu 20 xe;

c) Thời gian 09 tháng đối với học viên đã có chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện một hoặc các công việc chuyên môn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông

tư này hoặc có thời gian làm việc tại các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, sản xuất, lắp ráp ô tô đáp ứng điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô của Chính phủ từ 06 tháng đến 12 tháng (thời gian căn cứ vào ngày cấp chứng chỉ đăng kiểm viên lần đầu hoặc được tính cộng dồn căn cứ vào hợp đồng lao động, hồ sơ bảo hiểm xã hội): học viên phải thực hiện kiểm tra, đánh giá tối thiểu 300 xe/mỗi công đoạn của nhiều loại xe khác nhau (có thể thực tập nhiều công đoạn trên một xe); lập hồ sơ phương tiện phải được thực hiện tối thiểu đối với 45 xe; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo tối thiểu 30 xe;

d) Thời gian tối thiểu 12 tháng đối với các trường hợp không quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này: học viên phải thực hiện kiểm tra, đánh giá tối thiểu 400 xe/mỗi công đoạn của nhiều loại xe khác nhau (có thể thực tập nhiều công đoạn trên một xe); lập hồ sơ phương tiện phải được thực hiện tối thiểu đối với 60 xe; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo tối thiểu 40 xe.

4. Nội dung thực tập:

a) Sử dụng chương trình, phần mềm tại cơ sở đăng kiểm bao gồm: tra cứu dữ liệu phương tiện; phần mềm quản lý kiểm định; các phần mềm cảnh báo; chương trình kiểm tra đánh giá, chương trình điều khiển thiết bị và các chương trình quản lý nghiệp vụ khác;

b) Thực tập lập hồ sơ phương tiện và kiểm tra 05 công đoạn;

c) Thực tập chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.

Điều 7. Hồ sơ cấp mới, cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

1. Danh mục thành phần hồ sơ cấp mới, cấp lại:

a) Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Lý lịch chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực bằng tốt nghiệp trình độ chuyên môn tương ứng;

d) Bản sao thông báo hoàn thành tập huấn nghiệp vụ công việc chuyên môn tương ứng;

đ) Bản sao giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực đối với công việc chuyên môn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

e) Văn bản xác nhận thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Bản sao chứng chỉ đăng kiểm viên hoặc hợp đồng lao động và hồ sơ bảo hiểm xã hội (đối với trường hợp được giảm thời gian và khối lượng thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này).

2. Hồ sơ đề nghị cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên:

a) Đăng kiểm viên hạng III: thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này;

b) Đăng kiểm viên hạng II: thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 1 Điều này;

c) Đăng kiểm viên hạng I: thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên:

a) Cấp lại theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư này: thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm đ khoản 1 Điều này;

b) Cấp lại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư này: thành phần hồ sơ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 8. Thủ tục cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

1. Sau khi có thông báo kết quả đạt yêu cầu về tập huấn nghiệp vụ (đối với đăng kiểm viên hạng III và hạng I) hoặc kết thúc thực tập nghiệp vụ (đối với đăng kiểm viên hạng II), tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này bằng một trong các hình thức: trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, qua cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Giao thông vận tải.

2. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Trường hợp nộp trực tiếp: trong ngày làm việc, Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân bổ sung; nếu đầy đủ thì tiếp nhận hồ sơ;

b) Trường hợp nộp bằng các hình thức khác: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì thông báo bằng văn bản hoặc trên môi trường trực tuyến tới tổ chức, cá nhân bổ sung; nếu đầy đủ thì tiếp nhận hồ sơ.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo và tổ chức đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên đối với công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới. Cá nhân được đánh giá bởi đăng kiểm viên hạng cao hơn hoặc đăng kiểm viên hạng tương ứng có kinh nghiệm tối thiểu 36 tháng. Kết quả đánh giá được ghi nhận tại biên bản đánh giá đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Cấp chứng chỉ đăng kiểm viên hoặc thông báo kết quả đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu hoặc thông báo kết quả đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu. Trường hợp cá nhân có kết quả đánh giá không đạt thì thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều này để được cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên;

b) Đối với công việc chuyên môn kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chứng chỉ đăng kiểm viên được trả bằng một trong các hình thức: trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, qua cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Giao thông vận tải.

6. Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ đăng kiểm viên đối với từng công việc chuyên môn là 60 tháng kể từ ngày cấp.

Điều 9. Thủ tục cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

1. Cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên trong các trường hợp sau:

- a) Hết hiệu lực;
- b) Mất, hỏng, có nội dung sai thông tin;
- c) Bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này bằng một trong các hình thức: trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, qua cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Giao thông vận tải.

3. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Trường hợp nộp trực tiếp: trong ngày làm việc, Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân bổ sung; nếu đầy đủ thì tiếp nhận hồ sơ;

b) Trường hợp nộp bằng các hình thức khác: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì thông báo bằng văn bản hoặc trên môi trường trực tuyến tới tổ chức, cá nhân bổ sung; nếu đầy đủ thì tiếp nhận hồ sơ.

4. Cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới trong trường hợp quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều này

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo và tổ chức đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên đối với công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới. Cá nhân được đánh giá bởi đăng kiểm

viên hạng cao hơn hoặc đăng kiểm viên hạng tương ứng có kinh nghiệm tối thiểu 36 tháng. Kết quả đánh giá được ghi nhận tại biên bản đánh giá đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu hoặc thông báo kết quả đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu. Trường hợp cá nhân có kết quả đánh giá không đạt thì thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều này để được cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên.

5. Cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Chứng chỉ đăng kiểm viên được trả bằng một trong các hình thức: trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, qua cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Giao thông vận tải. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân phải nộp lại chứng chỉ đăng kiểm viên đã cấp lần gần nhất khi nhận chứng chỉ đăng kiểm viên được cấp lại (áp dụng đối với trường hợp cấp chứng chỉ đăng kiểm viên bản giấy).

7. Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ đăng kiểm viên đối với từng công việc:

a) Trường hợp cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều này: thời hạn hiệu lực của chứng chỉ đăng kiểm viên đối với từng công việc chuyên môn là 60 tháng kể từ ngày cấp;

b) Trường hợp cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: thời hạn hiệu lực của chứng chỉ đăng kiểm viên đối với từng công việc chuyên môn theo thời hạn hiệu lực của chứng chỉ đã cấp lần gần nhất.

Mục 2

CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN KIỂM ĐỊNH XE MÁY CHUYÊN DÙNG, CHỨNG NHẬN

Điều 10. Hồ sơ cấp mới, cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe máy chuyên dùng, chứng nhận

1. Danh mục thành phần hồ sơ cấp mới, cấp lại:

a) Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Lý lịch chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực bằng tốt nghiệp đại học ngành kỹ thuật liên quan đến xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới;

d) Bản sao được chứng thực của một trong các tài liệu sau: văn bản tiếp nhận, văn bản tuyển dụng, hợp đồng lao động làm việc tại đơn vị trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc cơ sở đăng kiểm hoặc cơ sở thử nghiệm được Cục Đăng kiểm Việt Nam chỉ định;

đ) Bản xác nhận thực hành công việc chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Bản sao giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực (áp dụng cho công việc chuyên môn quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư này);

g) Bản sao tài liệu chứng minh tham gia một trong các công việc: biên soạn tài liệu tập huấn; giảng dạy; hướng dẫn nghiệp vụ; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đề tài nghiên cứu khoa học, quy trình nghiệp vụ liên quan đến các công việc chuyên môn (áp dụng cho công việc chuyên môn quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này).

2. Hồ sơ đề nghị cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên:

a) Đăng kiểm viên hạng II: thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này;

b) Đăng kiểm viên hạng I: thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e, điểm g khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên:

a) Cấp lại theo quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều 12 Thông tư này: thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm e khoản 1 Điều này;

b) Cấp lại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư này: thành phần hồ sơ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Cấp lại theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 Thông tư này (áp dụng đối với đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn chứng nhận): thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này.

Điều 11. Thủ tục cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe máy chuyên dùng, chứng nhận

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này bằng một trong các hình thức: trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, qua cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Giao thông vận tải.

2. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Trường hợp nộp trực tiếp: trong ngày làm việc, Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân bổ sung; nếu đầy đủ thì tiếp nhận hồ sơ;

b) Trường hợp nộp bằng các hình thức khác: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì thông báo bằng văn bản hoặc trên môi trường trực tuyến tới tổ chức, cá nhân bổ sung; nếu đầy đủ thì tiếp nhận hồ sơ.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chứng chỉ đăng kiểm viên được trả bằng một trong các hình thức: trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, qua cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Giao thông vận tải.

5. Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ đăng kiểm viên đối với từng công việc chuyên môn là 60 tháng kể từ ngày cấp.

Điều 12. Thủ tục cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe máy chuyên dùng, chứng nhận

1. Cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên trong các trường hợp sau:

a) Hết hiệu lực;

b) Mất, hỏng, có nội dung sai thông tin;

c) Bổ sung nội dung công việc chuyên môn;

d) Bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này bằng một trong các hình thức: trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, qua cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Giao thông vận tải.

3. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Trường hợp nộp trực tiếp: trong ngày làm việc, Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân bổ sung; nếu đầy đủ thì tiếp nhận hồ sơ;

b) Trường hợp nộp bằng các hình thức khác: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì thông báo bằng văn bản hoặc trên môi trường trực tuyến tới tổ chức, cá nhân bổ sung; nếu đầy đủ thì tiếp nhận hồ sơ.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chứng chỉ đăng kiểm viên được trả bằng một trong các hình thức: trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, qua cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa

điện tử Bộ Giao thông vận tải. Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân phải nộp lại chứng chỉ đăng kiểm viên đã cấp lần gần nhất khi nhận chứng chỉ đăng kiểm viên được cấp lại (áp dụng đối với trường hợp cấp chứng chỉ đăng kiểm viên bản giấy).

6. Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ đăng kiểm viên đối với từng công việc:

a) Trường hợp cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên theo quy định tại điểm a, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này: thời hạn hiệu lực của chứng chỉ đăng kiểm viên đối với từng công việc chuyên môn là 60 tháng kể từ ngày cấp;

b) Trường hợp cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: thời hạn hiệu lực của chứng chỉ đăng kiểm viên đối với từng công việc chuyên môn theo thời hạn hiệu lực của chứng chỉ đã cấp lần gần nhất.

Chương III

TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ THU HỒI CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Điều 13. Tạm đình chỉ chứng chỉ đăng kiểm viên

1. Chứng chỉ đăng kiểm viên bị tạm đình chỉ hiệu lực 30 ngày khi thuộc một trong các hành vi sau:

a) Làm sai lệch kết quả chứng nhận, kiểm định (trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 14 Thông tư này);

b) Có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực thi nhiệm vụ;

c) Không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng;

d) Vi phạm quy định về kỷ luật lao động; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

2. Khi nhận được kiến nghị, phản ánh có căn cứ xác định đăng kiểm viên có hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 07 ngày làm việc Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành quyết định tạm đình chỉ hiệu lực chứng chỉ đăng kiểm viên và thông báo đến cơ sở đăng kiểm sử dụng đăng kiểm viên vi phạm, Sở Giao thông vận tải địa phương đồng thời công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Điều 14. Thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên

1. Đăng kiểm viên bị thu hồi chứng chỉ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cùng một thời gian trong ngày, đồng thời thực hiện kiểm định hoặc xác nhận kết quả kiểm định từ 02 cơ sở đăng kiểm trở lên;

b) Làm giả hồ sơ để được cấp chứng chỉ đăng kiểm viên;

c) Có từ 03 lần bị tạm đình chỉ đăng kiểm viên trong thời gian 12 tháng liên tục;

d) Bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án do vi phạm các quy định liên quan đến hoạt động chứng nhận, kiểm định;

đ) Sử dụng các công cụ, phần mềm để sửa chữa dữ liệu phương tiện, dữ liệu kiểm định, chứng nhận nhằm hợp thức hóa thông tin phương tiện, kết quả kiểm tra phương tiện;

e) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

g) Không trực tiếp thực hiện công việc chuyên môn liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm từ 12 tháng liên tục trở lên.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày xác định được đăng kiểm viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành quyết định thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên, gửi đến cơ sở đăng kiểm sử dụng đăng kiểm viên vi phạm, Sở Giao thông vận tải địa phương để phối hợp thực hiện và công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

3. Trường hợp chứng chỉ đăng kiểm viên bị thu hồi theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều này, việc cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên được thực hiện theo quy định tại Điều 9 hoặc Điều 12 Thông tư này.

4. Trường hợp chứng chỉ đăng kiểm viên bị thu hồi theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này, việc cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên được thực hiện theo quy định tại Điều 9 hoặc Điều 12 Thông tư này sau 12 tháng kể từ ngày bị thu hồi.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư này.
2. Thực hiện việc cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên.

3. Công khai kế hoạch, lịch tập huấn, kết quả tập huấn, đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

Thông báo tới Cục Đăng kiểm Việt Nam khi đăng kiểm viên trên địa bàn quản lý thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm đề nghị cấp mới, cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên

1. Có trách nhiệm cử người hướng dẫn và xác nhận quá trình thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên.

2. Có trách nhiệm cử đăng kiểm viên tham gia các chương trình cập nhật, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

3. Thông báo tới Cục Đăng kiểm Việt Nam khi đăng kiểm viên của cơ sở đăng kiểm thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025; áp dụng điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư này kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đối với đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đăng kiểm viên xe cơ giới đạt đủ 05 công đoạn được cấp chứng chỉ trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới hạng II cho đến hết thời hạn hiệu lực ghi trên chứng chỉ.

2. Đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao được cấp chứng chỉ trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới hạng I cho đến hết thời hạn hiệu lực ghi trên chứng chỉ.

3. Đăng kiểm viên xe cơ giới đã được cấp chứng chỉ chưa đạt đủ 05 công đoạn trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới và chậm nhất trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực phải nộp hồ sơ để thực hiện thủ tục cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên hạng II theo quy định tại Thông tư này.

4. Học viên hoàn thành tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên theo quy định của pháp luật tại thời điểm hoàn thành việc tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên và phải thực hiện thủ tục cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHCN&MT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Duy Lâm

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

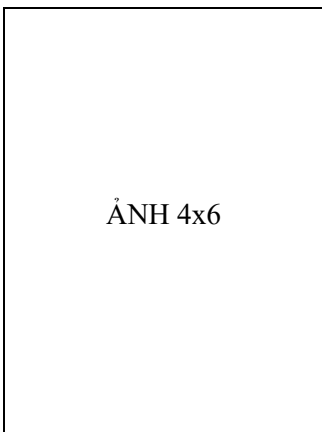
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

Phần I

TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN



- Họ và tên:

- Số Căn cước:

- Trình độ chuyên môn

- Đơn vị công tác:

1. Đào tạo chuyên môn:

TT	Tên trường đào tạo	Thời gian	Ngành/ Chuyên ngành	Trình độ

2. Đào tạo nghiệp vụ:

TT	Tên khoá tập huấn	Địa điểm	Đơn vị tập huấn	Thời gian (từ ...đến)

3. Quá trình công tác chuyên môn, nghiệp vụ:

TT	Đơn vị công tác	Chức vụ	Thời gian (từ ngày...đến ngày...)	Ghi chú

4. Khen thưởng kỷ luật:

TT	Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật	Cơ quan ra quyết định

5. Nghiệp vụ, chuyên môn khác đã tham gia:

.....

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN

1. Đối chiếu với yêu cầu đăng kiểm viên....., Tôi tự xác định như sau:

- Về chuyên môn:

- Về trình độ nghiệp vụ:

2. Phẩm chất đạo đức:

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

....., ngày tháng năm

Người khai

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của tổ chức quản lý người
đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên**

(Ký tên, đóng dấu, trừ trường hợp người đề
nghị là cá nhân)

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM ...¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...²

..., ngày ... tháng ... năm.....³

VĂN BẢN XÁC NHẬN THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ;

Căn cứ báo cáo kết quả thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên của học viên Nguyễn Văn A, Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới số xác nhận kết quả thực tập của học viên Nguyễn Văn A như sau:

1. Thời gian thực tập: từ ngày (bắt đầu thực tập)... đến ngày (kết thúc thực tập)... đã thực tập tại ... đảm bảo tổng thời gian thực tập là.... tháng. (Thực tập tại bao nhiêu cơ sở đăng kiểm thì phải có đủ văn bản xác nhận của từng cơ sở).

2. Nội dung thực tập:⁴..... các nội dung thực tập theo quy định.

3. Khối lượng thực tập: Khối lượng thực tập cụ thể như sau:

a) Công đoạn 1: kiểm tra nhận dạng, tổng quát: xe;

b) Công đoạn 2: kiểm tra phần trên của phương tiện: xe;

c) Công đoạn 3: kiểm tra hiệu quả phanh và trượt ngang: xe

d) Công đoạn 4: kiểm tra môi trường: xe;

đ) Công đoạn 5: kiểm tra phần dưới của phương tiện: xe;

e) Lập hồ sơ phương tiện: xe;

g) Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo:... xe.

4. Các nội dung khác:

- Về chuyên môn nghiệp vụ:

.....

.....

- Chấp hành kỷ luật, nội quy, quy định của cơ sở đăng kiểm:

.....
.....
- Ý kiến khác:
.....
.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: CSDK.

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Cơ sở đăng kiểm hướng dẫn thực tập

² Số văn bản

³ Sau ngày kết thúc thực tập

⁴ Đảm bảo/Không đảm bảo

Phụ lục III
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC TẬP
NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ngày thực tập:/...../.....

Họ và tên:

Cơ sở đăng kiểm thực tập:

Người hướng dẫn thực tập:

A. Danh sách phương tiện đã thực tập

TT	Loại xe	Biển số	Nội dung thực tập	Kết quả của người thực tập		Nhận xét của người hướng dẫn	
				Kết quả kiểm tra phương tiện (Đạt/không đạt)	Lý do không đạt	Kết quả kiểm tra phương tiện (Đạt/không đạt)	Lý do không đạt
1							
2							
...							

B. Đánh giá tổng hợp

1. Số lượng phương tiện học viên kết luận đúng tình trạng kỹ thuật của xe:

- Công đoạn 1:

- Công đoạn 2:

- Công đoạn 3:

- Công đoạn 4:

- Công đoạn 5:

- Lập hồ sơ phương tiện:

- Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo:

2. Nhận xét chung:

NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC TẬP

(Ký, ghi rõ họ tên)

HỌC VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày ... tháng ... năm....

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Họ và tên:

Đơn vị công tác:

Đơn vị thực tập:

Thời gian thực tập: từ..... đến.....

Thực hiện kiểm định các công đoạn

Nội dung thực tập	Nhận xét của người hướng dẫn thực tập (ghi đạt hoặc không đạt)
Công đoạn 1 và lập hồ sơ phương tiện Thời gian từ..... đến..... Số lượng xe đã thực tập: xe Số lượng xe đã lập HSPT: xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét (Ký, ghi rõ họ tên)
Công đoạn 2 Thời gian từ..... đến..... Số lượng xe đã thực tập: xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét (Ký, ghi rõ họ tên)
Công đoạn 3 Thời gian từ..... đến..... Số lượng xe đã thực tập: xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét (Ký, ghi rõ họ tên)
Công đoạn 4 Thời gian từ..... đến..... Số lượng xe đã thực tập:	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả:

..... xe	- Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét (Ký, ghi rõ họ tên)
Công đoạn 5 Thời gian từ..... đến..... Số lượng xe đã thực tập: xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét (Ký, ghi rõ họ tên)
Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo Số lượng xe đã thực tập: xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét (Ký, ghi rõ họ tên)
Các nội dung khác:	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét (Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM HƯỚNG DẪN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HỌC VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Cấp mới: Cấp lại:

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà):

2. Ông (bà):

3. Ông (bà):

Đã tiến hành đánh giá nghiệp vụ kiểm định của Ông (Bà)

.....

I. Kết quả đánh giá lý thuyết (chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên)	Đạt	Không đạt
---	-----	-----------

1) Văn bản pháp lý	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
--------------------	--------------------------	--------------------------

2) Lý thuyết nghiệp vụ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
------------------------	--------------------------	--------------------------

II. Kết quả đánh giá thực hành	Đạt	Không đạt
--------------------------------	-----	-----------

1) Kiểm tra Công đoạn 1 và lập Hồ sơ phương tiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
--	--------------------------	--------------------------

2) Kiểm tra Công đoạn 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
-------------------------	--------------------------	--------------------------

3) Kiểm tra Công đoạn 3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
-------------------------	--------------------------	--------------------------

4) Kiểm tra Công đoạn 4	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
-------------------------	--------------------------	--------------------------

5) Kiểm tra Công đoạn 5	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
-------------------------	--------------------------	--------------------------

6) Phân tích, đánh giá và chẩn đoán ¹	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
--	--------------------------	--------------------------

III. Kết luận (Cá nhân/Đăng kiểm viên đạt toàn bộ nội dung theo quy định tại Mục I, Mục II được ghi nhận có kết quả đánh giá đạt)

.....

.....

IV. Lý do không đạt (nếu có cần ghi rõ các lỗi)

.....

.....

.....

V. Yêu cầu khắc phục

.....

.....

.....

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm (hoặc tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm), 01 bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam, 01 bản do người đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên giữ.

**Cơ sở đăng kiểm/ Tổ chức
thành lập cơ sở đăng kiểm**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Cá nhân/
Đăng kiểm viên**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đánh giá
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đánh giá để cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên hạng I

Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

.....¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....²

...³..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ CẤP MỚI (CẤP LẠI⁴) CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ;

Căn cứ thời hạn hiệu lực của Chứng chỉ đăng kiểm viên số ngày.....tháng năm.....⁵;

1. Tên đơn vị/cá nhân:

2. Địa chỉ⁶:

3. Số điện thoại (Fax):

4. Đề nghị cấp mới (cấp lại) chứng chỉ đăng kiểm viên cho ông/bà:

- Họ và tên: Số Căn cước:

- Họ và tên: Số Căn cước:

5. Lý do⁷:

....⁸... cam kết những nội dung trên là đúng.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu

ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Đơn vị đề nghị đánh giá đăng kiểm viên (nếu có)

² Số văn bản (nếu có)

³ Địa danh

⁴ Áp dụng việc cấp mới hoặc cấp lại đối với các trường hợp theo quy định tại Thông tư này

⁵ Áp dụng đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên

⁶ Ghi địa chỉ của đơn vị đối với tổ chức; địa chỉ nơi cư trú đối với cá nhân

⁷ Đối với trường hợp cấp lại

⁸ Tên tổ chức/cơ sở đăng kiểm/ “Tôi” đối với cá nhân

Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
.....¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../....²

³..., ngày ... tháng ... năm

BẢN XÁC NHẬN THỰC HÀNH CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ;

(Cơ sở chứng nhận/Cơ sở thử nghiệm/Cơ sở đăng kiểm)..... xác nhận:

Ông (bà): Số căn cước

Thời gian thực hành: từ ngày... / ... / đến ngày ... / ... /

STT	Các công việc chuyên môn đã thực hành	Xác nhận (<i>Đã thực hành/ Không thực hành</i>)
1	Kiểm tra, chứng nhận chất lượng	
2	Đánh giá việc đảm bảo chất lượng	
3	Thử nghiệm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng	
4	Thử nghiệm phụ tùng xe cơ giới	
5	Thử nghiệm khí thải xe cơ giới	
6	Thử nghiệm tiêu thụ năng lượng xe cơ giới	
7	Kiểm định xe máy chuyên dùng	

Kết quả thực hành công việc chuyên môn:

1. Thực hiện quy trình công việc:

Đạt Không đạt

2. Sử dụng dụng cụ, thiết bị, phần mềm nghiệp vụ:

Đạt Không đạt

3. Tuân thủ quy định về an toàn lao động:

Đạt Không đạt

4. Tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật:

Đạt Không đạt

5. Nhận xét khác:

6. Kết luận:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**LÃNH ĐẠO CƠ SỞ CHỨNG NHẬN/
THỦ NGHIỆP/ĐĂNG KIỂM**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Cơ sở chứng nhận/Cơ sở thử nghiệm/Cơ sở đăng kiểm

² Số văn bản

³ Địa danh

Phụ lục VII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



CHỨNG CHỈ ĐĂNG KÍ VIÊN CERTIFICATE

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÍ VIỆT NAM CÔNG NHẬN
THE GENERAL DIRECTOR OF VIETNAM REGISTER CERTIFIED THAT

Ông (Bà): (Nguyễn Văn A)

Full Name

Ngày sinh: (XX/XX/XXXX)

Date of Birth

Được công nhận là: Đăng kiểm viên

Has been recognized as Inspector

Số đăng kiểm viên: (XXX)

Inspector Number

Được thực hiện công việc nêu trong phụ lục kèm theo Chứng chỉ này.

Has been permitted to carry out works as detailed in the attached annex.

Nơi cấp: (Hà Nội) Ngày cấp: (.../.../.....)

Place of issue

Date of issue

CỤC TRƯỞNG
GENERAL DIRECTOR

Số chứng chỉ:

Certificate Number:

PHỤ LỤC CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN

(Kèm theo Chứng chỉ số)

Đăng kiểm viên được thực hiện các công việc chuyên môn theo hiệu lực chứng chỉ tương ứng dưới đây:

TT	Các công việc chuyên môn được thực hiện	Thời hạn hiệu lực Chứng chỉ		
		Hạng III	Hạng II	Hạng I
1	Kiểm định xe cơ giới			
2	Kiểm định xe máy chuyên dùng			
3	Kiểm tra, chứng nhận chất lượng			
4	Đánh giá việc đảm bảo chất lượng			
5	Thử nghiệm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng			
6	Thử nghiệm phụ tùng xe cơ giới			
7	Thử nghiệm khí thải xe cơ giới			
8	Thử nghiệm tiêu thụ năng lượng xe cơ giới			
9	Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy			

Ghi chú:

Phụ lục VIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-ĐKVN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Kính gửi:

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ;

Căn cứ Biên bản đánh giá đăng kiểm viên giữa.....
và ông (bà) lập ngày .../.../.....

Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo như sau:

Ông (bà), sinh ngày: .../.../.....

Số căn cước:

Đơn vị công tác:

Đã có kết quả đánh giá không đạt trong đợt đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên vào ngày .../.../.....

Nội dung không đạt:

Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo để ông (bà) được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)